

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng của
ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 4003/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Luật Thi đua - Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngày 31/7/2017 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua-Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua-Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BNTMT ngày 14/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh được ban hành kèm theo Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định tổ chức chia Cùm, Khối thi đua; hoạt động và bình xét thi đua các Cùm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thi đua khen thưởng của ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 10/QĐ-STNMT ngày 12/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng của ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh văn phòng, Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Sở, Trưởng các phòng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, Trưởng các Phòng Tài nguyên và Môi trường, công chức, viên chức và nhân viên trong ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: VBĐT

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Ban GD Sở;
- Lưu: VT,TĐKT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Lan

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng của ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT, ngày tháng năm 2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quy định hồ sơ, thủ tục khen thưởng, thời gian xét khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua và được khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; việc xử lý các trường hợp vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Công chức, viên chức, người lao động, các phòng, các Chi cục, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở; Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

Điều 3: Nguyên tắc chung

1. Không xét đề nghị các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với phòng, đơn vị vi phạm một trong các nội dung sau:

a) Không tham gia phát động phong trào thi đua, đăng ký và ký kết giao ước thi đua hàng năm tại các Khối thi đua;

b) Tập thể, cá nhân có các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, sai phạm nghiêm trọng trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền và bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

c) Các phòng, đơn vị được đánh giá, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính xếp hạng Yếu; ứng dụng công nghệ thông tin xếp hạng Yếu hoặc có từ 10% hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trễ hạn trở lên trong năm (đối với các phòng trong năm không chấm điểm CCHC);

2. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang

trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị. Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị. Kết thúc năm công tác, Trưởng phòng, đơn vị tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định để phân đầu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị và có tính khả thi.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công việc, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của CCVCNLD.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động CCVCNLD tham gia phong trào thi đua và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức chỉ đạo điềm để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Giám đốc Sở có trách nhiệm phát động, chỉ đạo, tổ chức công tác thi đua, khen thưởng (viết tắt là TĐKT) trong phạm vi cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Sở Tài nguyên và Môi trường do Giám đốc Sở quyết định thành lập thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc Sở về công tác TĐKT, bình xét thành tích của tập thể, cá nhân để đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

3. Văn phòng Sở (thường trực về công tác TĐKT của Sở) có trách nhiệm tham mưu giúp Giám đốc Sở tổ chức thực hiện công tác TĐKT theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời chủ động phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở để tham mưu tổ chức và phát động phong trào thi đua, thực hiện công tác TĐKT của Sở.

4. Các Trưởng phòng, Trưởng đơn vị trực thuộc Sở, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm phát động phong trào thi đua, chỉ đạo phong trào thi đua và thực hiện công tác TĐKT trong phạm vi thẩm quyền quản lý.

5. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Văn phòng Sở triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, vận động đoàn viên hưởng ứng, tham gia có hiệu quả phong trào thi đua và giám sát thực hiện công tác TĐKT.

Điều 7. Tổ chức của khối thi đua

Toàn ngành tổ chức 3 Khối thi đua:

7.1. Khối thi đua các Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có 8 đơn vị:

Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện Vạn Ninh, Diên Khánh, Cam Lâm, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn; thị xã Ninh Hòa; thành phố Cam Ranh, Nha Trang.

7.2. Khối thi đua các Phòng, đơn vị quản lý nhà nước thuộc, trực thuộc Sở có 05 đơn vị:

Văn phòng Sở; Phòng Đo đạc Bản đồ và Viễn thám; Thanh tra Sở; Phòng Khoáng sản, Nước, Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; Chi cục Biển và Hải đảo.

7.3. Khối thi đua các đơn vị trực thuộc Sở có 06 đơn vị:

Chi cục Quản lý đất đai, Chi cục Bảo vệ môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa; Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Phát triển quỹ đất; Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường.

Điều 8. Nhiệm vụ của Khối thi đua

1. Hàng năm, các khối thi đua bầu ra 01 đơn vị (hoặc phòng) để theo dõi các hoạt động trong khối. Đơn vị này là đơn vị Chủ trì khối hay Trưởng Khối thi đua.

2. Khối trưởng chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở về hoạt động của Khối thi đua và có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động của Khối thi đua.

b) Xây dựng các tiêu chí thi đua, bảng chấm điểm phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của Khối thi đua và các đơn vị thành viên và theo quy định của

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở.

c) Tổ chức ký kết giao ước thi đua, phối hợp hoạt động giữa các đơn vị thành viên, phát huy sức mạnh tổng hợp và thế mạnh của mỗi đơn vị thành viên; Phối hợp tổ chức các hoạt động chung của Khối thi đua và tổ chức giao lưu học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị thành viên; bàn các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi đua, khen thưởng; tuyên truyền và nhân rộng những gương điển hình tiên tiến của các đơn vị trong Khối để nêu gương, học tập.

d) Chủ trì việc chấm điểm thi đua cho các đơn vị trong Khối thi đua. Phối hợp với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở đánh giá kết quả công tác của các thành viên trong Khối thi đua trình.

đ) Chủ trì tổ chức sơ kết 6 tháng, hội nghị tổng kết năm và các hoạt động khác của Khối.

Điều 9. Hoạt động của Khối thi đua

1. Các hoạt động

a) Hội nghị ký kết giao ước thi đua

- Thời gian tổ chức hội nghị: Trong Quý I hàng năm.
- Nội dung: Các đơn vị trong Khối đăng ký thi đua và ký kết giao ước thi đua.

b) Sơ kết 6 tháng đầu năm

- Thời gian sơ kết: Trong tháng 7 hàng năm.
- Nội dung: Đánh giá kết quả thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký trong 6 tháng đầu năm và biện pháp triển khai công tác thi đua, khen thưởng 6 tháng cuối năm để hoàn thành các chỉ tiêu trong năm.

c) Tổng kết cuối năm.

- Thời gian tổng kết: Trong tháng 12 hàng năm.
- Nội dung: Đánh giá kết quả thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký trong năm, xếp hạng thi đua năm, chọn phòng, đơn vị xuất sắc dẫn đầu Khối và chọn phòng, đơn vị Chủ trì Khối năm sau.

Điều 10. Công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành theo Quyết định số 98/QĐ-STNMT ngày 03/3/2016.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp cơ sở để làm căn cứ xét tặng danh hiệu

Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở cho cá nhân do Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở đánh giá và trình Giám đốc Sở xem xét, công nhận.

Điều 11. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao.
2. Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.
3. Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.
4. Có đạo đức, lối sống lành mạnh.
5. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.
6. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.
7. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ). Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.
8. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân công tác dưới 10 tháng (ốm đau, nghỉ không hưởng lương ...); bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”.
2. Có sáng kiến được Giám đốc Sở công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng tại cơ quan, đơn vị; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận;
3. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị.
4. Cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải đạt trên 70% số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao.
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả.
3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

1. Đối với các tập thể thuộc Sở:
 - a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
 - b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
 - c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.
 - d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
 - đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với tập thể Sở Tài nguyên và Môi trường:

Khi xem xét đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” thì căn cứ vào thành tích của các đơn vị thuộc và trực thuộc, cụ thể là hàng năm Sở phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị thuộc, trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 16. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho 01 đơn vị thuộc, trực thuộc Sở đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Đơn vị đạt Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải đạt Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và dẫn đầu Khôi Thi đua.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Giấy khen

Giấy khen của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường được tặng cho các trường hợp sau

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a. Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b. Lập thành tích xuất sắc đột xuất;

c. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân, có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

d. Tỷ lệ tặng Giấy khen cho cá nhân: Không quá 20% trên tổng số người của phòng, đơn vị được công nhận đạt Danh hiệu Lao động tiên tiến.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a. Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b. Lập thành tích xuất sắc đột xuất;

c. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Đơn vị trực thuộc Sở xuất sắc xếp loại đứng thứ nhất của Khối các đơn vị trực thuộc Sở; Phòng, đơn vị xuất sắc xếp thứ nhất của Khối các Phòng, đơn vị QLNN thuộc Sở thì được Giám đốc Sở tặng Giấy khen

4. Phòng xếp loại thi đua cuối năm đứng thứ nhất của các đơn vị sự nghiệp và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xếp loại thi đua cuối năm thứ nhất, thứ 2 của Văn phòng Đăng ký đất đai Khánh Hòa được Giám đốc Sở tặng Giấy khen.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường tặng Giấy khen cho 02 tập thể được xếp loại thứ nhất, thứ hai của Khối thi đua các Phòng Tài nguyên và môi trường cấp huyện; không tặng Giấy khen cho cá nhân các Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện (vì đã được UBND cấp huyện khen thưởng).

6. Phòng, đơn vị thuộc Sở dẫn đầu Khối các đơn vị trực thuộc Sở và Khối thi đua các Phòng, đơn vị QLNN thuộc Sở về công tác cải cách hành chính hàng năm được Giám đốc Sở tặng Giấy khen.

Điều 18: Bằng khen:

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Đối tượng và tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hàng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ xem xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất hoặc chuyên đề. Việc đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho các cá nhân, tập thể có thành tích đột xuất thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

3.1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động hàng năm;
- b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;
- c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

3.2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;
- c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm đối với người lao động; hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; chấp hành nghiêm quy định pháp luật về đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

3.3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc trong sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường”.

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xét duyệt, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường” cho các cá nhân trong và ngoài ngành đủ tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp tài nguyên và môi trường” quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BTNMT ngày 14/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường”.

Các phòng, đơn vị thuộc Sở; Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện thị xã, thành phố lập danh sách các cá nhân trong và ngoài ngành tài nguyên và môi trường chưa được tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường”;

có đủ tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BTNMT ngày 14/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Hội đồng thi đua khen thưởng Sở để xem xét, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường”.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 20. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu Giám đốc Sở về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm:

Giám đốc Sở là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; đại diện các đoàn thể và các ủy viên là lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc. Số lượng do Giám đốc Sở quyết định thành lập.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Sở tham mưu xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật; có nhiệm vụ, quyền hạn tham mưu: Giúp Giám đốc Sở tổ chức phong trào thi đua theo thẩm quyền; định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng; giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo liên quan thi đua, khen thưởng (nếu có); tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hoặc cử cán bộ tham gia tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ; xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương V

THẨM QUYỀN, HỒ SƠ THỦ TỤC, THỜI GIAN KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG

Điều 21. Thẩm quyền của Giám đốc Sở

a) Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”; “Tập thể Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen.

b) Tặng Giấy khen cho các đơn vị thuộc Khối thi đua các Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; “Tập thể Lao động xuất sắc”; “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ

tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

Điều 22. Thẩm định, xét khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở tham mưu Giám đốc Sở khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở tham mưu Giám đốc Sở khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở hoạt động theo quy chế được ban hành theo Quyết định số 928/QĐ-STNMT ngày 24/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở chỉ họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở chủ trì hoặc ủy quyền cho một Phó Giám đốc Sở chủ trì. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác.

Điều 23. Tiền thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

2. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

3. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

4. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

5. Tiền thưởng thực hiện theo quy định của nhà nước; Tập thể, cá nhân được Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng Bằng khen; Giám đốc Sở tặng Giấy khen hoặc tặng các danh hiệu thi đua được nhận tiền thưởng từ quỹ khen thưởng của đơn vị đề nghị khen thưởng. Riêng tiền tặng Giấy khen của Giám đốc Sở cho 02 tập thể được xếp loại thứ nhất, nhì của Khối thi đua các Phòng Tài nguyên và môi trường cấp huyện hàng năm được trích trong quỹ thi đua khen thưởng của Sở.

Chương VI

NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

Điều 24. Nội dung thi đua và số điểm chuẩn quy định

1. Nội dung I: Các tiêu chí về thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn (600 điểm);

2. Nội dung II: Các tiêu chí về thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị (200 điểm);

3. Nội dung III: Các tiêu chí về công tác thi đua, khen thưởng (150 điểm);

4. Nội dung IV: Điểm thưởng (50 điểm);

A. Đối với Khối thi đua các Phòng, đơn vị QLNN thuộc, trực thuộc Sở và Khối thi đua các đơn vị trực thuộc Sở

T T	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm Đã ký	Ghi chú
I	Các tiêu chí về thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn			
1	Công tác tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	200		
2	Công tác tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác chuyên môn	200		
3	Chế độ thông tin, báo cáo đối với Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh hoặc Bộ, ngành trung ương theo quy định	150		
4	Kết quả đánh giá xếp hạng cải cách hành chính (<i>xếp loại Tốt: 30 điểm, Khá: 20 điểm, Trung bình: 10 điểm</i>).	30		
5	Kết quả đánh giá, xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin (<i>xếp loại Tốt: 20 điểm, Khá: 15 điểm, Trung bình: 10 điểm</i>).	20		
	Tổng điểm nội dung I	600		
II	Các tiêu chí về thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị	Điểm chuẩn		Ghi chú
1	Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy hoặc Ban cán sự Bộ Tài nguyên và Môi trường về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.	50		
2	Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh - Chi bộ xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: 40 - Chi bộ xếp loại hoàn thành nhiệm vụ: 30	40		
3	Xây dựng các đoàn thể vững mạnh, xuất sắc - Công đoàn Xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (15) - Công đoàn Xếp loại Hoàn thành Tốt nhiệm vụ (10) - Chi đoàn Xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (15) - Chi đoàn Xếp loại Hoàn thành Tốt nhiệm vụ (10)	30		
4	Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	20		

	<ul style="list-style-type: none"> - Có tổ chức triển khai tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại đơn vị: 10; - Có nhiều gương điển hình tiêu biểu được học tập và nhân rộng: 05; - Xây dựng được chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và triển khai thực hiện có hiệu quả: 05. 			
5	<p>Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt: 20; - Thực hiện chưa tốt (có đơn thư khiếu nại, tố cáo): 10 - Có cá nhân bị kỷ luật Khiển trách: 0 	20		
6	<p>Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kê khai tài sản: Đúng hạn, đầy đủ: 10, có vi phạm: 0; - Quản lý tài sản công: Tốt: 10; có vi phạm: 0. 	20		
Tổng điểm nội dung II		180		
III	Các tiêu chí về công tác thi đua, khen thưởng	Điểm chuẩn		Ghi chú
1	<p>Xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và sự chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng: 20 - Có ban hành văn bản (Quy định, Hướng dẫn...) về công tác thi đua, khen thưởng: 15 - Có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng TĐKT tại đơn vị: 15 	50		
2	Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua	30		
a	Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua do Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ TNMT phát động	15		
b	Các phong trào do Thủ tướng Chính phủ phát động	15		
3	Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến	20		
a	Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến.	10		
b	Trong năm có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền.	10		
4	Công tác khen thưởng	60		
a	Hồ sơ, thủ tục khen thưởng cấp tỉnh, cấp nhà nước	10		

<i>b</i>	Tỷ lệ khen thưởng của đơn vị cho người lao động trực tiếp công tác. Theo tỷ lệ khen thưởng trong tổng số cá nhân được khen thưởng của đơn vị: - Đạt từ 50% trở lên: 10 điểm; - Đạt từ 30 - dưới 50%: 5 điểm; - Đạt dưới 30%: 0 điểm.	10		
<i>c</i>	Tỷ lệ khen thưởng cấp tỉnh, bộ, ngành cho người lao động trực tiếp công tác. Theo tỷ lệ người lao động trực tiếp được khen thưởng trong tổng số cá nhân được khen thưởng: - Đạt từ 40% trở lên: 10 điểm; - Đạt từ 20 đến dưới 40%: 5 điểm; - Đạt dưới 20%: 0 điểm.	10		
<i>d</i>	Thực hiện việc phát hiện khen thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích <i>Thực hiện tốt: 10 điểm, có thực hiện: 5 điểm, không thực hiện: 0 điểm</i>	10		
<i>e</i>	Có cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua - Cấp tỉnh: 20 - Cấp cơ sở (cấp Sở): 10	20		
5	Chế độ thông tin báo cáo	10		
<i>a</i>	Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định	5		
<i>b</i>	Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định.	5		
	Tổng điểm nội dung III	170		
T	Nội dung IV	Điểm		Ghi chú
T		thưởng		
1	Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trong năm (Đối với mỗi tiêu chí, chỉ lấy khen thưởng có mức hạng cao nhất để tính điểm thưởng): cấp tỉnh, bộ, Sở tặng cho tập thể, cá nhân trong phòng, đơn vị: - Cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh: 40 - Danh hiệu Tập thể xuất sắc do UBND tỉnh tặng: 35 - Bằng khen của UBND tỉnh, Bộ TNMT: 30 - Giấy khen của Giám đốc Sở: 20	40		
2	Thưởng cho đơn vị Khối trưởng làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khối thi đua.	10		
	Tổng điểm nội dung IV	50		
	Tổng cộng	1000		

B. Đối với Khối thi đua các Phòng TNMT cấp huyện

T T	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm Đang ký	Ghi chú
I	Các tiêu chí về thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn			
1	Công tác tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	200		
2	Công tác tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác chuyên môn	200		
3	Chế độ thông tin, báo cáo đối với Sở theo quy định	150		
4	<p>Kết quả đánh giá xếp hạng cải cách hành chính</p> <p><i>a. Đối với đơn vị trong năm giải quyết từ 01 đến 100 hồ sơ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 100 % hồ sơ giải quyết đúng hạn: 27 điểm - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn dưới 02 %: 26 điểm; - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn dưới 03 %: 25 điểm; - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn dưới 05 %: 24 điểm; - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên 05 %: 23 điểm. <p><i>a. Đối với đơn vị trong năm giải quyết từ 100 hồ sơ đến 1000 hồ sơ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 100 % hồ sơ giải quyết đúng hạn: 28 điểm - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn dưới 02 %: 27 điểm; - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn dưới 03 %: 26 điểm; - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn dưới 05 %: 25 điểm; - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên 05 %: 24 điểm. <p><i>a. Đối với đơn vị trong năm giải quyết trên 1000 hồ sơ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 100 % hồ sơ giải quyết đúng hạn: 30 điểm - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn dưới 02 %: 29 điểm; - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn dưới 03 %: 28 điểm; - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn dưới 05 %: 27 điểm; - Có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên 05 %: 26 điểm. <p>(thời điểm xác định là khi kiểm tra kết quả cuối năm trên phần mềm một cửa điện tử của huyện, thị xã, thành phố)</p>	30		
5	<p>Kết quả đánh giá, xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin (<i>xếp loại Tốt: 20 điểm, Khá: 15 điểm, Trung bình: 10 điểm</i>).</p> <p>Nếu thời điểm chấm chưa có kết quả của UBND cấp huyện thì nội dung này giảm trừ hoặc tính điểm tối đa</p>	20		
	Tổng điểm nội dung I	600		
II	Các tiêu chí về thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị	Điểm chuẩn		Ghi chú
1	Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy hoặc Cấp ủy địa phương về xây dựng Đảng, xây dựng hệ	50		

	thống chính trị			
2	Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh - Chi bộ xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: 40 - Chi bộ xếp loại hoàn thành nhiệm vụ: 30	40		
3	Xây dựng các đoàn thể vững mạnh, xuất sắc - Công đoàn Xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (15) - Công đoàn Xếp loại Hoàn thành Tốt nhiệm vụ (10) - Chi đoàn Xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (15) - Chi đoàn Xếp loại Hoàn thành Tốt nhiệm vụ (10)	30		
4	Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh - Có tổ chức triển khai tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại đơn vị: 10; - Có nhiều gương điển hình tiêu biểu được học tập và nhân rộng: 05; - Xây dựng được chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và triển khai thực hiện có hiệu quả: 05.	20		
5	Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở - Thực hiện tốt: 20; - Thực hiện chưa tốt (có đơn thư khiếu nại, tố cáo): 10 - Có cá nhân bị kỷ luật Khiển trách: 0	20		
6	Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng - Kê khai tài sản: Đúng hạn, đầy đủ: 10, có vi phạm: 0; - Quản lý tài sản công: Tốt: 10, có vi phạm: 0.	20		
7	Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo	20		
	Tổng điểm nội dung II	200		
III	Các tiêu chí về công tác thi đua, khen thưởng	Điểm chuẩn		Ghi chú
1	Xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng	50		
2	Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua	30		
a	Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua do Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ TNMT phát động	15		
b	Các phong trào do Thủ tướng Chính phủ phát động	15		
3	Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến	10		
a	Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến.	05		

<i>b</i>	<i>Trong năm có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền.</i>	<i>05</i>		
4	Công tác khen thưởng	40		
<i>a</i>	Tỷ lệ khen thưởng của cấp huyện cho người lao động trực tiếp công tác. Theo tỷ lệ khen thưởng trong tổng số cá nhân được khen thưởng của đơn vị: - Đạt từ 50% trở lên: 10 điểm; - Đạt từ 30 - dưới 50%: 5 điểm; - Đạt dưới 30%: 0 điểm.	<i>10</i>		
<i>b</i>	Tỷ lệ khen thưởng cấp tỉnh, bộ, ngành cho người lao động trực tiếp công tác. Theo tỷ lệ người lao động trực tiếp được khen thưởng trong tổng số cá nhân được khen thưởng: - Đạt từ 40% trở lên: 10 điểm; - Đạt từ 20 đến dưới 40%: 5 điểm; - Đạt dưới 20%: 0 điểm.	<i>10</i>		
<i>c</i>	Thực hiện việc phát hiện khen thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích <i>Thực hiện tốt: 10 điểm, có thực hiện: 5 điểm, không thực hiện: 0 điểm</i>	<i>10</i>		
<i>d</i>	Có cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua - Cấp tỉnh: 10 - Cấp cơ sở (cấp huyện): 5	<i>10</i>		
5	Chế độ thông tin báo cáo	10		
<i>a</i>	<i>Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định</i>	<i>5</i>		
<i>b</i>	<i>Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định.</i>	<i>5</i>		
6	Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua khen thưởng	10		
	Tổng điểm nội dung III	150		
T	Điểm thưởng	Điểm thưởng		Ghi chú
1	Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trong năm (Đối với mỗi tiêu chí, chỉ lấy khen thưởng có mức hạng cao nhất để tính điểm thưởng): cấp tỉnh, bộ, Sở tặng cho tập thể, cá nhân trong phòng, đơn vị: - Cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh: 40 - Danh hiệu Tập thể xuất sắc do UBND tỉnh tặng: 35 - Bằng khen của UBND tỉnh, Bộ TNMT: 30 - Giấy khen của Giám đốc Sở, UBND cấp huyện: 20	40		
2	Thưởng cho đơn vị Khối trưởng làm tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức hoạt động Khối thi đua.	10		
	Tổng điểm nội dung IV	50		
	Tổng cộng	1000		

Điều 25. Nguyên tắc chấm điểm

1. Đối với các tiêu chí định lượng: Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch của tỉnh, cơ quan cấp trên giao cho đơn vị. Thực hiện đạt bao nhiêu phần trăm (%) kế hoạch thì đạt số điểm tương ứng theo điểm chuẩn của tiêu chí đó.

2. Đối với các tiêu chí định tính: Trên cơ sở đăng ký giao ước thi đua, thang điểm và phương pháp chấm điểm đã được Khối thi đua thông nhất và ký kết thực hiện trong năm các đơn vị tự chấm điểm.

3. Khối thi đua quy định điểm trừ theo mức độ hoàn thành đối với mỗi nhiệm vụ không bảo đảm chất lượng và tiến độ.

Điều 26. Chấm điểm đối với Khối thi đua các Phòng, đơn vị QLNN thuộc, trực thuộc Sở và Khối các đơn vị trực thuộc Sở.

I. Nội dung I:

1.1. Đối với nội dung công tác tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: Điểm chuẩn được chia đều cho các nhiệm vụ, công tác chuyên môn từng lĩnh vực, nhiệm vụ nào thực hiện đạt 100% thì chấm điểm chuẩn đã chia, nhiệm vụ nào chưa đạt thì chấm điểm theo tỷ lệ đã đạt được, nhiệm vụ nào không làm thì chấm điểm 0, cộng điểm của từng nhiệm vụ để có tổng điểm nội dung 1.

- Đơn vị có tỷ lệ thu vượt ngân sách dưới 25% thì được cộng 5 điểm, thu vượt ngân sách trên 25% thì được cộng 10 điểm.

1.2. Công tác tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác chuyên môn:

Do Khối thi đua quy định quy định điểm trừ theo mức độ hoàn thành đối với mỗi nhiệm vụ không bảo đảm chất lượng và tiến độ .

1.3. Chế độ thông tin, báo cáo đối với Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh hoặc Bộ, ngành trung ương theo quy định:

Thực hiện các báo cáo công tác hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và các báo cáo chuyên đề. Thực hiện đủ và đúng thời gian quy định được tính đủ điểm chuẩn (150 điểm), thiếu 1 báo cáo trừ 05 điểm; nộp chậm 3 ngày (làm việc) trừ một báo cáo 03 điểm, nộp chậm quá 3 ngày (làm việc) trở lên trừ điểm như thiếu báo cáo. Riêng Khối các đơn vị trực thuộc Sở chấm thêm kết quả báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính quý, 6 tháng, năm. Tổng số điểm trừ tối đa 20 điểm

1.4. Đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính:

Căn cứ kết quả xếp hạng cải cách hành chính cuối năm của Hội đồng đánh giá xếp hạng cải cách hành chính của Sở để tính điểm.

1.5. Đánh giá xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin:

Căn cứ kết quả xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin cuối năm của Hội đồng đánh giá xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin của Sở để tính điểm.

II. Nội dung II

Đơn vị nào không có Đoàn Thanh niên thì được chấm điểm tối đa

III. Nội dung III:

Chế độ thông tin báo cáo: Chấm điểm đối với các báo cáo thi đua như đăng ký giao ước thi đua, báo cáo sơ kết 6 tháng, báo cáo tổng kết năm.

Điều 27. Chấm điểm đối với Khối thi đua các Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

I. Nội dung I:

1.1. Đối với nội dung công tác tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: Điểm chuẩn được chia đều cho các nhiệm vụ, công tác chuyên môn từng lĩnh vực, nhiệm vụ nào thực hiện đạt 100% thì chấm điểm chuẩn đã chia, nhiệm vụ nào chưa đạt thì chấm điểm theo tỷ lệ đã đạt được, nhiệm vụ nào không làm thì chấm điểm 0, cộng điểm của từng nhiệm vụ để có tổng điểm nội dung 1. Nhiệm vụ nào không làm mà không có lý do bằng văn bản và được Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND cấp huyện đồng ý thì chấm điểm 0.

1.2. Công tác tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác chuyên môn:

Do Khối thi đua Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện quy định quy định điểm trừ theo mức độ hoàn thành đối với mỗi nhiệm vụ không bảo đảm chất lượng và tiến độ .

1.3. Chế độ thông tin, báo cáo đối với Sở theo quy định:

Thực hiện các báo cáo công tác hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và các báo cáo chuyên đề. Thực hiện đủ và đúng thời gian quy định được tính đủ điểm chuẩn (150 điểm), thiếu 1 báo cáo trừ 05 điểm; nộp chậm 3 ngày (làm việc) trừ một báo cáo 03 điểm, nộp chậm quá 3 ngày (làm việc) trở lên trừ điểm như thiếu báo cáo. Tổng số điểm trừ tối đa 20 điểm.

1.4. Đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính:

Căn cứ kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa cấp huyện tính tại thời điểm chấm điểm của Khối.

1.7. Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo: Khối quy định theo tỷ lệ giải quyết đúng quy định trên tổng số đơn thư khiếu nại, tố cáo.

II. Nội dung II

Đơn vị nào không có Đoàn Thanh niên thì được chấm điểm tối đa

III. Nội dung III:

Chế độ thông tin báo cáo: Chấm điểm đối với các báo cáo thi đua như đăng ký giao ước thi đua, báo cáo sơ kết 6 tháng, báo cáo tổng kết năm.

Điều 28. Nội dung báo cáo sơ kết, tổng kết thi đua

Báo cáo kết quả thi đua theo 4 nội dung đăng ký giao ước thi đua. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao và đăng ký, tính tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu đăng ký, chất lượng, hiệu quả.

Điều 29. Xếp loại thi đua

1. Cách tính phần nghìn (‰) số điểm của đơn vị như sau:

a) Đối với đơn vị là Khối trưởng năm đương nhiệm cách tính phần nghìn (‰) số điểm như sau:

$$\% \text{ số điểm} = \text{Tổng số điểm đạt được} / (1000 - \text{số điểm giảm trừ, nếu có}) \times 1000$$

b) Đối với đơn vị còn lại cách tính phần nghìn (‰) số điểm như sau:

$$\% \text{ số điểm} = \text{Tổng số điểm đạt được} / (990 - \text{số điểm giảm trừ, nếu có}) \times 990.$$

2. Căn cứ xếp loại thi đua như sau:

- Đơn vị có ‰ số điểm đạt từ 900 trở lên: Xếp loại Xuất sắc.
- Đơn vị có ‰ số điểm đạt từ 800 đến dưới 900: Xếp loại Tốt.
- Đơn vị có ‰ số điểm đạt từ 700 đến dưới 800: Xếp loại Khá.
- Đơn vị có ‰ số điểm đạt từ 600 đến dưới 700: Xếp loại Trung bình.
- Đơn vị có ‰ số điểm đạt dưới 600 điểm: Xếp loại Yếu.
- Đơn vị có tổng số điểm cao nhất là đơn vị dẫn đầu khối, các đơn vị còn lại xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp. Nếu có nhiều đơn vị có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì đơn vị nào có điểm chấm cải cách hành chính năm cao hơn (đối với Khối thi đua các phòng, đơn vị QLNN thuộc Sở và Khối thi đua các đơn vị trực thuộc Sở); đơn vị có tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn thấp nhất (đối với Khối thi đua Phòng TNMT cấp huyện) thì xếp trên.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng các phòng, Trưởng các đơn vị, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy định này.

2. Giao Văn phòng Sở (Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng) hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

3. Kinh phí tổ chức các hội nghị, duy trì hoạt động của các Khối do các phòng, đơn vị thuộc Khối đóng góp.

4. Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Quy chế nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các tập thể, cá nhân phản ánh về Văn phòng Sở để tổng hợp và báo cáo Giám đốc Sở xem xét sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.